

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Ngọc.

Bà Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp T, xã H, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp T, xã H, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh L trình bày:

Trước đây Ông Lê Minh L và Bà Phạm Thị Ánh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Cần Thơ vào ngày 20/04/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông L yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Ánh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông L và bà N có 02 con chung tên Lê Thị Yến N1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/01/2000 và Lê Thị Yến M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 29/11/2002. Con chung hiện tại đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Ánh N trình bày: Bà N đồng ý ly hôn với ông Lê Minh L, con chung hiện tại đã thành niên, tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Minh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Phạm Thị Ánh N. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ông Lê Minh L và bà Phạm Thị Ánh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Minh L và bà Phạm Thị Ánh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh L và Bà Phạm Thị Ánh N tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Cần Thơ vào ngày 20/4/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông L: Xét thấy, trong quá trình chung sống bà N và ông L thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà N và ông L đã không còn yêu thương, quan

tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của ông L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong cùng vụ án.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Minh L. Ông Lê Minh L được ly hôn với bà Phạm Thị Ánh N.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lê Minh L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001593 ngày 09/6/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố V (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ) thành án phí. Ông Lê Minh L không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Lự, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Trinh